TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330 /2026/DS-PT
Ngày: 15-04-2026
"Đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Trần Văn Đạt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2026/TLPT-DS, ngày 03 tháng 03 năm 2026, về việc "Đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2025/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 783/2026/QĐ-PT, ngày 20 tháng 03 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 575/2026/QĐ-PT ngày 31 tháng 03 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1943 (đã chết 24/9/2025).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số A H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Đỗ Ánh N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số E N, phường M, tỉnh Đồng Tháp (Giấy uỷ quyền ngày 31/3/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thành Đ - Chi nhánh Văn phòng L - Đoàn Luật sư thành phố C.

Địa chỉ: Số E N, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị G: Chị Nguyễn Đỗ Ánh N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số E N, phường M, tỉnh Đồng Tháp (Giấy uỷ quyền ngày 20/10/2025).

- *Người kháng cáo*:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông hên, ông T, bà G và chị N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2024 (bút lục 16) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B có người đại diện ông Lê Văn H trình bày:***

Bà Nguyễn Ngọc B là chủ sử dụng thửa đất số 2007, tờ bản đồ số 01, diện tích

3.510m^2, mục đích sử dụng đất vườn và thửa đất số 366, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.160m^2, mục đích sử dụng đất ruộng, cùng tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị B1 ngày 24/5/1997. Bà B1 có hai người con là Lê Văn H và Lê Văn T. Đối với thửa đất vườn, năm 2005 bà B1 có tách 01 phần diện tích 1.103m^2 cho Lê Văn H, diện tích còn lại 2.407m^2 đến năm 2000, bà B1 cho ông Lê Văn T làm tạm thời 01 phần diện tích 1.300m^2 trong diện tích đất 2.407m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay vẫn do bà B1 đứng tên. Đối với thửa đất ruộng, năm 2002 bà B1 có tách cho ông Lê Văn T 3.520m^2, diện tích còn lại 640m^2, tuy nhiên sau khi đo đạc thì diện tích đất thực tế là 2.222,4m^2 nên năm 2015 bà B1 có làm thủ tục điều chỉnh biến động diện tích đối với thửa đất 366, diện tích là 2.222,4m^2; đến năm 2016 bà B1 chuyển quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất này cho ông Lê Văn H. Đối với diện tích đất vườn 1.300m^2 bà B1 chỉ cho ông T làm tạm và có thỏa thuận sau khi tách thửa đối với diện tích đất ruộng thì Lê Văn T phải trả lại diện tích đất 1.300m^2 cho bà B1. Tuy nhiên, sau khi đứng tên đất ông T không thực hiện thoả thuận trả đất mà vẫn sử dụng đến nay. Nay bà Nguyễn Ngọc B yêu cầu ông Lê Văn T trả lại diện tích đất khoảng 1300m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại các bản tự khai, đơn khởi kiện phản tô ngày 08/4/2025 (bút lục 38) và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T, có người đại diện chị Nguyễn Đỗ Ánh N trình bày:

Ông Lê Văn T là con ruột của bà Nguyễn Ngọc B. Năm 1992 mẹ ông có cho ông diện tích đất ruộng khoảng 1.500m^2 và 1.500m^2 đất vườn, ông đã nhận đất canh tác từ năm 1992, tuy nhiên khi cho chưa làm giấy tờ mà khoảng 02 năm sau mới sang tên thửa đất ruộng, diện tích đất ông được cấp theo giấy tờ 5.200m^2 (trong đó bao gồm diện tích đất mẹ ông cho và một phần diện tích đất ông tự mua). Đối với diện tích đất vườn đến nay chưa sang tên, mẹ ông cũng đồng ý sang tên nhưng vì đất đang thế chấp nên chưa sang tên được. Nay đối với yêu cầu của bà B về việc trả lại diện tích đất vườn ông không đồng ý vì mẹ ông đã cho ông phần đất này và mỗi người trong gia đình đã có phần đất riêng. Đối với ý kiến của mẹ ông về việc sau khi sang tên đất ruộng thì trả lại đất vườn là không đúng, không có thoả thuận này. Hiện nay ông là người quản lý sử dụng đất, trên đất có trồng dừa, trồng hoa màu do ông là người trồng và hưởng huê lợi từ cây trồng. Nay ông có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 1.500m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn T.

**** Tại biên bản hoà giải ngày 15/10/2025 (bút lục 91, 92), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:***

Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà Nguyễn Ngọc B yêu cầu ông Lê Văn T trả lại diện tích đất khoảng 1.300m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Tuy nhiên hiện nay bà B đã chết nên với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B, ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì trước khi chết bà B đã có di chúc cho ông được hưởng toàn bộ di sản này. Ngoài ra vì không còn tiếp tục khởi kiện nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

**** Tại biên bản hoà giải ngày 15/10/2025 (bút lục 91, 92), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lê Văn T, có người đại diện chị Nguyễn Đỗ Ánh N trình bày:***

Ông T thừa nhận việc bà B đã chết là đúng, với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B, ông đồng ý việc ông H xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên đề nghị Toà án ghi nhận theo quy định chứ ông T không ký đơn rút yêu cầu cùng với ông H. Ông T giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 1.500m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn T.

**** Tại bản tự khai ngày 20/10/2025 (bút lục 106), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày*:**

Bà là vợ của ông Lê Văn T, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông T, không có ý kiến gì khác.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, ông Lê Văn T thống nhất rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B1 về việc yêu cầu ông Lê Văn T trả lại diện tích đất khoảng 1.300m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị B1, ông Lê Văn H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện phản tố, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận diện

tích đất 1.500m^2, theo đo đạc thực tế 1.550,7m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G thống nhất ý kiến của bị đơn ông Lê Văn T.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông Lê Văn H, ông Lê Văn T về việc yêu cầu ông Lê Văn T trả lại diện tích đất khoảng 1.300m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn ông Lê Văn T về việc công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.550,7m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm: ông T, bà G có yêu cầu kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B là ông Lê Văn T vẫn giữ nguyên quyết định rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn là ông Lê Văn T không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông về việc công nhận phần đất có diện tích 1550.7m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 5 cho ông quản lý, sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà G thống nhất ý kiến với ông T, giữ nguyên nội dung kháng cáo.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn ông Lê Văn T về việc công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.550,7m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất" là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với một phần quyết định bản án sơ thẩm nên có kháng cáo, Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T và bà G về việc yêu cầu công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.550,7m^2 thuộc một phần thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 55-66) thể hiện nguồn gốc thửa đất số 2007, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 3.510m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn, có nguồn gốc của bà Nguyễn Ngọc B đăng ký kê khai theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 02/6/1996, có xác nhận của UBND xã L, huyện C ngày 10/9/1996 (bút lục 63). Đến ngày 24/5/1997 bà Nguyễn Ngọc B được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2005, bà Nguyễn Ngọc B xin tách

thửa đất số 2007 thành 02 thửa: Thửa đất số 2999, diện tích 1.103m² và thửa đất số 2007, diện tích 2.407m²; đối với thửa 2999, bà Nguyễn Ngọc B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2005, thửa đất còn lại của bà Nguyễn Ngọc B là thửa 2007, diện tích 2.407 là thửa đất có một phần diện tích đang tranh chấp, thực đo là 1.550,7m^2 (ký hiệu S2 trên sơ đồ).

Về quá trình sử dụng: ông T cho rằng bà B đã cho ông phần diện tích 1.550,7m^2 thuộc một phần thửa 2007 mà hiện tại ông đang canh tác, sử dụng từ năm 1992 đến nay, trên 30 năm nên thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông;

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông T cho rằng bà B tặng cho đất cho ông, việc này không được bà B thừa nhận, ông T không có giấy tờ tặng cho để chứng minh, chỉ có lời khai của những người làm chứng nên không đủ căn cứ để công nhận việc tặng cho đất giữa bà Nguyễn Ngọc B với ông Lê Văn T là hợp pháp; Mặt khác, khi ông T quản lý, sử dụng đất nhưng vào năm 1996 bà B làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, tính từ thời điểm bà B được cấp giấy đất cho đến nay đã gần 30 năm nhưng ông T hoàn toàn không có ý kiến phản đối. Vì vậy, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 1550,7m^2 thuộc một phần thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện V trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà G. Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Do giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1

điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ: Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 137 Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T;

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G;

3. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 156/2025/DS-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Đồng Tháp.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông Lê Văn H, ông Lê Văn T về việc yêu cầu ông Lê Văn T trả lại diện tích đất khoảng 1.300m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn ông Lê Văn T về việc công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.550,7m^2 thuộc thửa 2007, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu 600.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12695 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Tháp). Ông Lê Văn T còn phải nộp 300.000đồng.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn T trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 5.874.029 đồng (năm triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày ông Lê Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Lê Văn T chậm thi hành án thì ông Lê Văn T còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí phúc thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009557 ngày 02/12/2025 của Cục thi hành án dân sự Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009437 ngày 01/12/2025 của Cục thi hành án dân sự Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ,KT,TT và THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh